

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhân

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà A trình bày: Bà A và ông B chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2013, tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình chung sống có 03 con chung: Cháu C, sinh năm 2000; cháu D, sinh năm 2003, cháu E, sinh ngày 01/04/2012. Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà A và ông B xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B thường xuyên đánh đập, bạo hành bà, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Về con chung, khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu

E, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lộ Công B trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung ông thống nhất với lời trình bày của bà A. Ông B thừa nhận ông có đánh bà A nhưng nguyên nhân ông đánh bà A là do bà A có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài. Mặc dù ông đã khuyên can nhưng bà A vẫn không thay đổi. Tuy nhiên, vì các con nên ông không đồng ý ly hôn với bà A. Ông cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu E vì hiện tại cháu E đang sống với ông và đang đi học ở trường tại địa phương. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho ông được trực tiếp nuôi con thì ông không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung ông yêu cầu chia đôi cho ông và bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà A được ly hôn với anh B. Về con chung ghi nhận sự tự nguyện của bà A: Giao cháu E, sinh ngày 01/04/2012 cho ôngB được trực tiếp nuôi dưỡng, bà A không phải cấp dưỡng nuôi con do ôngB không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà A và ông B tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Pân, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/9/2013 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay bà A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ôngB và nuôi con chung, đây thuộc quan hệ dân sự, tranh chấp “*Ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn*”, ôngB hiện đang cư trú tại ấp X, xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Sau khi kết hôn hợp pháp, bà A và ông B sống với nhau hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông B thường xuyên đánh đập, bạo hành bà, có thời điểm bà phải nhập viện điều trị. Hiện tại giữa bà và ông B không còn sống chung với nhau nữa. Nay bà A nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông B. Ông B thừa nhận có đánh bà A hậu quả là bà A bị rớt răng và điều trị tại bệnh viện, nhưng ông cho rằng bà A có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác mặc dù ông đã khuyên can nhưng vẫn không thay đổi. Nay ông B không đồng ý ly hôn với bà A vì các con còn nhỏ khi các con đã trưởng thành và lập gia đình thì ông đồng ý ly hôn với bà A.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để bà A và ông B đoàn tụ nhưng tại phiên toà hôm nay bà A cương quyết ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm với ông B, ông B thường xuyên đánh đập bà, bà nhận thấy tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Còn ông B thì yêu cầu được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 19 luật Hôn nhân Gia đình quy định tình nghĩa vợ chồng *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* nhưng giữa bà A và ông B thường xảy ra mâu thuẫn. Bà A xác định ông B thường xuyên có hành động đánh đập bà A, còn ông B thì xác định bà A không chung thủy, hiện tại cả hai hiện tại cũng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của ông bà.

[2.3] Về con chung: Bà A và ông B xác định ông bà có 03 người con chung là cháu C, sinh năm 2000; cháu D, sinh năm 2003, cháu E, sinh ngày 01/04/2012; do cháu C và cháu D đã trưởng thành nên khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu E. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm bà A đồng ý giao cháu E cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng; còn ông B cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu E. Hội đồng xét xử xét thấy, dựa trên yêu cầu được trực tiếp nuôi con của ông B, cũng như sự tự nguyện giao cháu E cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng của bà A; đồng thời hiện tại cháu E đang sống cùng với ông B và cháu đang được ông B

cho đi học lớp 5 tại trường học thuộc xã P, do đó để tránh làm sáo trộn đời sống và sự phát triển tâm sinh lý của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao cháu E cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật. Bà A không phải cấp dưỡng nuôi con do ông B không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung; trong quá trình giải quyết vụ án ông B có yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nhưng không làm đơn và thực hiện nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của ông trong vụ án này. Tuy nhiên, Ông B có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung ở một vụ án khác.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A. Xử cho bà A được ly hôn với ông B.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung cháu E, sinh ngày 01/4/2012 cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu E hiện đang sống cùng với ông B nên được giữ nguyên.

2.2. Bà A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.3. Bà A không phải cấp dưỡng nuôi con do ông B không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0004195, ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy